**NỘI DUNG GHI BÀI**

**Bài: ảnh hưởng của nhiệt độ và độ ẩm lên đời sống sinh vật**

**I.ảnh hưởng của nhiệt độ lên đời sống sinh vật**

- Nhiệt độ môi trường đã ảnh hưởng tới hình thái, hoạt động sinh lí, tập tính của sinh vật.

- Đa số các loài sống trong phạm vi nhiệt độ 0-oC. Tuy nhiên cũng có 1 số sinh vật nhờ khả năng thích nghi cao nên có thể sống ở nhiệt độ rất thấp hoặc rất cao.

- Sinh vật được chia 2 nhóm: Sinh vật biến nhiệt; Sinh vật hằng nhiệt.

**II. ảnh hưởng của độ ẩm lên đời sống của sinh vật**

- Động vật và thực vật đều mang nhiều đặc điểm sinh thía thích nghi với môi trường có độ ẩm khác nhau.

- Thực vật chia 2 nhóm: Nhóm ưa ẩm; Nhóm chịu hạn

- Động vật chia 2 nhóm: Nhóm ưa ẩm; Nhóm ưa khô

**Bài: Ảnh hưởng lẫn nhau giữa các sinh vật**

**I.Quan hệ cùng loài**

- Các sinh vật cùng loài sống gần nhau, liên hệ với nhau hình thành nên nhóm cá thể.

- Trong 1 nhóm có những mối quan hệ:

+ Hỗ trợ; sinh vật được bảo vệ tốt hơn, kiếm được nhiều thức ăn.

+ Cạnh tranh: ngăn ngừa gia tăng số lượng cá thể và sự cạn kiệt thức ăn  1 số tách khỏi nhóm.

**II. Quan hệ khác loài**

- Bảng 44 SGK trang 132.

***Chương II: Hệ Sinh Thái***

**Bài: QUẦN THỂ SINH VẬT**

**I.Thế nào là một quần thể sinh vật**

- Quần thể sinh vật là tập hợp những cá thể cùng loài, sinh sống trong khoảng

không gian nhất định, ở 1 thời điểm nhất định và có khả năng sinh sản tạo thành những thế hệ mới.

**II.Những đặc trưng cơ bản của quần thể**

1. Tỉ lệ giới tính

- Tỉ lệ giới tính là tỉ lệ giữa số lượng cá thể đực với cá thể cái.

- Tỉ lệ giới tính thay đổi theo lứa tuôit, phụ thuộc vào sự tử vong không đồng đều giữa cá thể đực và cái.

- Tỉ lệ giới tính cho thấy tiềm năng sinh sản của quần thể.

2. Thành phần nhóm tuổi

- Bảng 47.2.

- Dùng biểu đồ tháp để biểu diễn thành phần nhóm tuổi.

3. Mật độ quần thể

- Mật độ quần thể là số lượng hay khối lượng sinh vật có trong 1 đơn vị diện tích hay thể tích.

- Mật độ quần thể không cố định mà thay đổi theo mùa, theo năm và phụ thuộc vào chu kì sống của sinh vật.

**III.ảnh hưởng của môi trường tới quần thể sinh vật**

- Các đời sống của môi trường như khí hậu, thổ nhưỡng, thức ăn, nơi ở... thay đổi sẽ dẫn tới sự thay đổi số lượng của quần thể.

- Khi mật độ cá thể tăng cao dẫn tới thiếu thức ăn, chỗ ở, phát sinh nhiều bệnh tật, nhiều cá thể sẽ bị chết. khi đó mật độ quần thể lại được điều chỉnh trở về mức độ cân bằng.

**Bài: QUẦN THỂ NGƯỜI**

**I. Sự khác nhau giữa quần thể người với các quần thể sinh vật khác**

- Quần thể người có đặc trưng sinh học chư những quần thể sinh vật khác, đó là đặc điểm giới tính, lứa tuổi, mật độ, sinh sản, tử vong.

- Quần thể người có những đặc trưng khác với quần thể sinh vật khác ở những đặc điểm như: pháp luật, chế độ hôn nhân, văn hoá, giáo dục, kinh tế...

- Sự khác nhau đó là do con người có lao động và tư duy nên có khả năng tự điều chỉnh các đặc điểm sinh thái trong quần thể, đồng thời cải tạo thiên nhiên.

**II.Đặc điểm về thành phần nhóm tuổi của mỗi quần thể người**

- Quần thể người gồm 3 nhóm tuổi:

+ Nhóm tuổi trước sinh sản từ sơ sinh đến 15 tuôit.

+ Nhóm tuổi sinh sản và lao động: 15 – 65 tuổi.

+ Nhóm tuổi hết khả năng lao động nặng nhọc: từ 65 tuổi trở lên.

- Tháp dân số (tháp tuổi) thể hiện đặc trưng dân số của mỗi nước.

+ Tháp dân số trẻ là tháp dân số có đáy rộng, số lượng trẻ em sinh ra nhiều và đỉnh tháp nhọn thể hiện tỉ lệ tử vong cao, tuổi thọ thấp.

+ Tháp dân số già là tháp có đáy hẹp, đỉnh không nhọn, cạnh tháp gần như thẳng đứng biểu thị tỉ lệ sinh và tỉ lệ tử vong đều thấp, tuổi thọ trung bình cao.

**III.Tăng dân số và phát triển xã hội**

- Tăng dân số tự nhiên là kết quả của số người sinh ra nhiều hơn số người tử vong.

\* Tăng dân số tự niên + số người nhập cư – số người di cư = Tăng dân số thực.

- Khi dân số tăng quá nhanh dẫn tới thiếu nơi ở, nguồn nước uống, ô nhiễm môi trường, tăng chặt phá từng và các tài nguyên khác.

- Hiện nay Việt Nam đang thực hiện pháp lệnh dân số nhằm mục đích đảm bảo chất lượng cuộc sống của mỗi cá nhân, gia đình và toàn xã hội. Mỗi con sinh ra phải phù hợp với khả năng nuôi dưỡng, chăm sóc của mỗi gia đình và hài hoà với sự phát triển kinh tế, xã hội, tài nguyên môi trường đất nước.

=> Những đặc trưng và tỉ lệ giới tính, thành phần nhóm tuổi, sự tăng giảm dân số ảnh hưởng tới chất lượng cuộc sống, con người và chính sách kinh tế xã hội của mỗi quốc gia.

**Bài: QUẦN XÃ SINH VẬT**

**I.Thế nào là một quần xã sinh vật?**

- Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau.

**II.Những dấu hiệu điển hình của một quần xã**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng.

**III. Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã**

- Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã tạo nên sự thay đổi theo chu kì: chu kì ngày đêm, chu kì mùa.

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn đến số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và số lượng cá thể luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Khống chế sinh học làm cho số lượng cá thể của mỗi quần thể dao động quanh vị trí cân bằng, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

**Bài: HỆ SINH THÁI**

**I.Thế nào là một hệ sinh thái?**

- Hệ sinh thái bào gồm quần xã và khu vực sống của quần xã (gọi là sinh cảnh).

- Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động qua lại với nhau và tác động với nhân tố vô sinh của môi trường 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Một hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:

+ Nhân tố vô sinh: Đất, nước…

+ Nhân tố hữu sinh:

\*Sinh vật sản xuất: thực vật

\*Sinh vật tiêu thụ: ĐV ăn thực vật, ĐV ăn ĐV

\*Sinh vật phân huỷ: VK, nấm…

***II. Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn.***

1.Chuỗi thức ăn:

- Chuỗi thức ăn là 1 dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài sinh vật trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

- Có 2 loại chuỗi thức ăn: chuỗi thức ăn mở đầu là cây xanh, chuỗi thức ăn mở đầu là sinh vật phân huỷ.

2. Lưới thức ăn:

- Các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành 1 lưới thức ăn.

- Lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm 3 thành phần: SV sản xuất, Sv tiêu thụ, SV phân huỷ.